

ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH CỦA TIẾNG VIỆT

(Tiếp theo)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được tầm quan trọng của trật tự từ và hư từ trong việc tổ chức câu và biểu thị nghĩa.*
- *Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN NGỮ PHÁP CHỦ YẾU CỦA TIẾNG VIỆT

1. Trật tự từ

Trong tiếng Việt, trật tự xếp đặt các từ có một vai trò cực kì quan trọng : sự thay đổi trật tự các từ thường dẫn đến sự thay đổi về nội dung. Sau đây, chúng ta xem xét vai trò của trật tự từ trong câu và trong cụm từ.

a) Vai trò của trật tự từ trong câu

Trật tự sắp đặt các từ được coi là phương tiện ngữ pháp chủ yếu để biểu thị quan hệ ngữ pháp giữa các từ trong câu. Xét hai câu :

*Mình nhớ ta như cà nhớ muối,
Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng.*

(Ca dao)

Phần in đậm đồng nhất về thành phần từ vựng (cùng có ba từ : *mình, ta, nhớ*) nhưng khác biệt hoàn toàn về nghĩa, do các từ có chức năng ngữ pháp khác nhau. Trong câu thứ nhất, từ *mình* (đứng trước động từ vị ngữ) đóng vai chủ ngữ, biểu thị *chủ thể* của hành động (*ai nhớ ? → mình nhớ*) ; trong câu thứ hai, từ *mình* (đứng sau động từ vị ngữ) đóng vai bổ ngữ, biểu thị *đối tượng* của hành động (*nhớ ai ? → nhớ mình*). Tương tự như vậy, từ *ta* trong hai câu trên có sự thay đổi về vai trò khi thay đổi vị trí đối với động từ vị ngữ.

b) Vai trò của trật tự từ trong cụm từ

Có thể thấy vai trò của trật tự từ được thể hiện rất rõ trong cụm danh từ, cụm động từ và cụm tính từ.

Chẳng hạn, trong cụm danh từ, sự thay đổi vị trí các từ có thể dẫn đến sự thay đổi về ý nghĩa. Ví dụ : *giếng nước ≠ nước giếng, phòng năm ≠ năm phòng, ...*

Cũng như vậy, trong cụm động từ và cụm tính từ, sự thay đổi trật tự các từ sẽ dẫn đến những thay đổi về nghĩa rất đa dạng. Chẳng hạn : *được bơi ≠ bơi được, học lại ≠ lại học, đến bạn ≠ bạn đến, chậm nói ≠ nói chậm, giàu lòng thương người ≠ lòng thương người giàu, ...*

2. Hư từ

Trong tiếng Việt, hư từ có vai trò quan trọng trong việc tổ chức câu. Vai trò này được thể hiện ở hai phương diện : biểu thị *quan hệ ngữ pháp* giữa các từ trong câu và biểu thị một *số ý nghĩa ngữ pháp* trong câu.

a) Hư từ biểu thị quan hệ ngữ pháp giữa các từ trong câu

Nhờ hư từ, quan hệ ngữ pháp giữa các từ trong câu được thể hiện rõ.

Hư từ đánh dấu quan hệ chính phụ. Ví dụ :

*Hôm đó tôi vào nghỉ ở dinh cũ của tiên phụ tôi. Người anh của tôi làm quan
Thụ trấn Lạng Sơn, có một cái dinh ở làng.*

(Lê Hữu Trác – Thượng kinh kí sự)

Hư từ đánh dấu quan hệ đẳng lập. Ví dụ :

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu.*

(Xuân Diệu – *Vội vàng*)

Hư từ còn được dùng để đánh dấu quan hệ chủ – vị, đặc biệt trong những trường hợp có sự so sánh, tương phản hay tương đồng. Ví dụ :

– Chúng tôi thường nghe binh pháp nói : Bảo toàn được đất nước là tốt nhất, làm tan nước thì kém hơn, bảo toàn được quân thì tốt nhất, làm tan quân thì kém hơn.

(Nguyễn Khoa Chiêm – *Nam triều công nghiệp dĩên chí*)

– Nay anh tôi quả nhiên thi đỗ, còn tôi thì phiêu bạt giang hồ, há chẳng phải một câu sấm của trẻ con đó sao ?

(Lê Hữu Trác – *Thượng kinh kí sự*)

b) Hư từ biểu thị một số ý nghĩa ngữ pháp trong câu

Hư từ giúp nhận diện các kiểu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán, trần thuật, chẳng hạn các tình thái từ *à, ư, nhỉ, nhé, đây, đấy, dĩ, thôi, chẵn,...* Ví dụ :

ĐAN THIÊM : – Ông phải trốn đi. (Có tiếng quân âm âm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí) Ông phải trốn đi (lời có vẻ van lơn). Trong lúc biến cố này, ông hãy tạm lánh đi. Khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng. Họ không phân biệt phải trái. Ông trốn đi.

(Nguyễn Huy Tưởng – *Vũ Như Tô*)

Hư từ biểu thị những ý nghĩa về số lượng đứng trước danh từ trong câu. Đây là chức năng của các từ như *những, các, mọi, mỗi, từng,...* Ví dụ :

– Rồi Bác đi đêm chẵn
Từng người, từng người một.

(Minh Huệ – *Đêm nay Bác không ngủ*)

– Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh **những** ai đó giờ ?

(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

Có thể nói hư từ, cùng với trật tự từ, là hai phương tiện ngữ pháp chính để tổ chức câu tiếng Việt. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc sử dụng hư từ lại có

tính tùy nghi (tức không bắt buộc phải có). Trong những trường hợp như vậy, ngữ cảnh sẽ tham gia vào việc hiểu đúng nghĩa của câu. Chẳng hạn, người Việt nói :

– *anh tôi* (không nhất thiết phải nói : *anh của tôi*),

– *hôm nay chủ nhật* (không nhất thiết phải nói : *hôm nay là chủ nhật*).

LUYỆN TẬP

1. *Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.*

(Lê Duẩn)

a) Nêu sự khác biệt về chức năng ngữ pháp của những từ ngữ được in đậm trong câu trên.

b) Cho biết vì sao có sự khác biệt đó.

2. Kiều bị Khuyển Ưng bắt về nhà Hoạn Thư. Và đây là hình ảnh của Hoạn Bà, mẹ Hoạn Thư, xuất hiện trước mắt Kiều :

*Ban ngày sấp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà.*

(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

Trật tự từ ngữ ở câu thứ hai khác với lời nói bình thường như thế nào ? Điều đó có hiệu quả gì ?

3. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa giữa hai câu sau đây :

a) *Cuộc săn những người nô lệ đã kết thúc.*

b) *Cuộc săn của những người nô lệ đã kết thúc.*

4. Cho biết sự khác biệt về nghĩa của từ *lại* trong những câu sau đây :

a) *Thằng bé chạy lại chỗ ông nội.*

b) *Giữa lúc cấp thiết ấy, con chó lại lăn ra chết.*

c) *Thằng bé đọc lại bài thơ Con cóc.*

Theo anh (chị), có nhiều từ *lại* khác nhau hay chỉ có một từ *lại* với nhiều chức năng khác nhau ?